

Số: 341/QĐ-CPNT2

Tp. Đồng Nai, ngày 08 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: **Phê duyệt Yêu cầu báo giá**

Gói thầu: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2026

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-CPNT2 ngày 02/06/2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc phê duyệt Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-CPNT2 ngày 18/06/2024 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-CPNT2 ngày 19/03/2026 của HĐQT Công ty về việc Phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-CPNT2 ngày 26/05/2026 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt và ban hành Quy định cụ thể thực hiện lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-CPNT2 ngày 08/06/2026 của HĐQT Công ty về phê duyệt chi tiết kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Đề xuất số 284/QĐ-CPNT2 ngày 14/05/2026 của các Phòng chức năng về phạm vi công việc Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-CPNT2 ngày 24/06/2026 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2026;

Căn cứ Tờ trình số 453/TTr-CPNT2 ngày 01/07/2026 về việc Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2026.

Xét đề nghị của các Phòng chức năng tại Tờ trình số 453/TTr-CPNT2 ngày 01/07/2026 về việc Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2026,



QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2026 với nội dung chi tiết như Yêu cầu báo giá đính kèm theo Quyết định này.
- Điều 2.** Giao Phó Giám đốc phụ trách, các Phòng chức năng triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành.
- Điều 3.** Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.TCKT, P.TM-TTĐ;
- Lưu VT, P.ATSKMT.

Đính kèm:

- Yêu cầu báo giá gói thầu Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2026.

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Nhân

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2026

Phát hành ngày: 06/7/2026

Ban hành kèm theo Quyết định: 341/QĐ-CPNT2

Bên mời thầu



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quyền

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào giá (nộp báo giá) gói thầu Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2026.
3. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo quy định. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;

Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp và đáp ứng thời gian theo yêu cầu tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu tại YCBG;

Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá chào ghi trong bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thời hạn hiệu lực của BBG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 8 của YCBG.

2. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
3. Hạch toán tài chính độc lập;
4. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực kinh nghiệm. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ thì bị loại.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh năng lực kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự	<p>Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự ⁽¹⁾ về dịch vụ Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường.</p> <p>hoặc 01 Hợp đồng cung cấp dịch vụ Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và 01 Hợp đồng cung cấp dịch vụ Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ⁽²⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là:</p> <p>Có quy mô (giá trị) tối thiểu 50% giá gói thầu với giá trị cộng dồn là 118.000.000 VND.</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 04
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Văn bản cam kết

(1) Nhà thầu nộp bản sao y các tài liệu: BB nghiệm thu, hóa đơn GTGT/BB quyết toán thanh lý, tài liệu liên quan để chứng minh đã hoàn thành hợp đồng.

- (2) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I. Về phạm vi công việc			
1	Phạm vi công việc đáp ứng đầy đủ quy định tại Mục 2, Chương II – Yêu cầu kỹ thuật		
	Đáp ứng	X	
	Không đáp ứng		X
2	Thời gian, địa điểm thực hiện đáp ứng quy định tại chương II – Yêu cầu kỹ thuật		
	Đáp ứng	X	
	Không đáp ứng		X
3	Nhà thầu phải có Giấy phép môi trường do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp có nội dung cấp phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, rác thải công nghiệp thông thường phù hợp với phạm vi công việc của gói thầu.		
	Đáp ứng	X	
	Không đáp ứng		X
4	Cam kết huy động đầy đủ các máy móc, xe cộ, phương tiện thiết bị, công cụ dụng cụ đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện công việc đáp ứng thực hiện công việc theo yêu cầu của YCBG.		
	Có cam kết	X	
	Không có cam kết		X
5	Nhà thầu phải cam kết mua bảo hiểm tai nạn lao động cho nhân sự thực hiện hợp đồng		

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	Có cam kết	X	
	Không có cam kết		X
6	Nhà thầu phải cam kết trong trường hợp thuê nhà thầu phụ thực hiện một số hạng mục công việc thì nhà thầu phụ phải có Giấy phép môi trường do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp có nội dung cấp phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, rác thải công nghiệp thông thường phù hợp với hạng mục công việc đó.		
	Có cam kết	X	
	Không có cam kết		X

BBG được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chí thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá chào sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (3);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: Yêu cầu báo giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện bảng giá chào đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá chào có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán

trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá chào tương ứng thì đơn giá chào được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá chào nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá chào; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá chào và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự chào của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhằm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhằm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá chào sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá chào tương ứng trong bảng giá chào của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong bảng giá chào của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các bảng giá chào khác của các nhà thầu vượt qua đánh giá về kỹ thuật; trường hợp trong bảng giá chào của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá chào của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá chào tương ứng trong bảng giá chào của nhà thầu này; trường hợp bảng giá chào của nhà thầu không có đơn giá chào tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Mục 6. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng, bảng tiến độ thực hiện, bảng giá chào dịch vụ, Bảng kê khai Hợp đồng tương tự theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 7. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Bảng tiến độ thực hiện theo Mẫu số 02 Chương III
3. Bảng giá chào theo Mẫu số 03 Chương III;
4. Bảng kê khai Hợp đồng tương tự theo Mẫu số 04 Chương III
5. Các nội dung cần thiết khác:
 - a. Nhà thầu nộp bản sao y các tài liệu: BB nghiệm thu, hóa đơn GTGT/BB quyết toán thanh lý, tài liệu liên quan để chứng minh đã hoàn thành hợp đồng.
 - b. Hồ sơ/tài liệu chứng minh về việc đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật được nêu tại Chương II của Yêu cầu báo giá.
 - c. Văn bản cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
 - d. Văn bản cam kết thực hiện các nội dung yêu cầu ở Mục 3.3 Chương II.

Mục 8. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm ngừng tiếp nhận Bản báo giá.

Mục 9. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ Ấp 3, xã Đại Phước, Tp. Đồng Nai; Điện thoại: 02512225899; Fax: 02512225897 không muộn hơn **15 giờ 00 phút ngày 13/07/2026**. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp

báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 10. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và giá chào không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 11. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào giá theo đường bưu điện và được đăng tải trên website của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 03 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 12. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Luật đấu thầu.

Chương II. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Thời gian và địa điểm thực hiện

- Thông tin gói thầu: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2026.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng
- Địa điểm thực hiện gói thầu: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, Ấp 3, xã Đại Phước, Tp. Đồng Nai.

2. Phạm vi công việc thực hiện

Phạm vi công việc Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2026 được thể hiện ở Bảng dưới đây:

Bảng số 1. Phạm vi công việc

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Đơn vị tính	Khối lượng tạm tính
1.	Bùn thải	Rắn	04 02 04	Kg	2.500
2.	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Rắn	07 04 01	Kg	5
3.	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Rắn	07 04 02	Kg	5
4.	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	08 01 01	Kg	100
5.	Thủy tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	11 02 01	Kg	100
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Kg	200
7.	Dầu, nhớt thải (Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác)	Lỏng	17 02 04	Kg	3.000
8.	Dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác	Lỏng	17 03 05	Kg	500
9.	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	Lỏng	17 05 04	Kg	500
10.	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	17 06 01	Kg	500
11.	Nước nhiễm dầu	Lỏng	17 05 05	Kg	500
12.	Các loại sáp và mỡ thải	Rắn/lỏng	17 07 04	Kg	100
13.	Bao bì mềm nhiễm thành	Rắn	18 01 01	Kg	90

	phần nguy hại thải				
14.	Bao bì cứng bằng kim loại thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	Kg	200
15.	Bao bì cứng bằng nhựa thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	Kg	200
16.	Vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg	4.000
17.	Nhựa trao đổi ion đã bão hòa hay đã qua sử dụng	Rắn	12 06 01	Kg	300
18.	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có chứa chất thải nguy hại	Rắn/Lỏng	19 05 02	Kg	300
19.	Hóa chất vô cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng	19 05 03	Kg	300
20.	Hóa chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	19 05 04	Kg	300
21.	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Kg	200
22.	Các loại pin, ắc quy khác	Rắn	19 06 05	Kg	10
23.	Các loại chất thải khác có thành phần hữu cơ nguy hại	Rắn/lỏng	19 12 02	Kg	500
24.	Các loại vật liệu cách nhiệt thải khác có hay bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	11 06 02	Kg	1.500
25.	Linh kiện điện tử thải	Rắn	19 02 06	Kg	20
26.	Chất thải lây nhiễm	Rắn/lỏng	13 01 01	Kg	5
27.	Rác thải công nghiệp thông thường	Rắn		Kg	30.000

3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Về năng lực kỹ thuật

- Phạm vi công việc đáp ứng đầy đủ các hạng mục quy định tại Mục 2, Chương II – Yêu cầu kỹ thuật.
- Cung cấp Giấy phép môi trường do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp có nội dung cấp phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, rác thải công nghiệp thông thường phù hợp với phạm vi công việc của gói thầu cấp phù hợp với phạm vi công việc của gói thầu. Giấy phép trên phải còn hiệu lực.

ng nghiệp thông thường phù hợp với phạm vi công việc của gói thầu cấp phù hợp với phạm vi công việc của gói thầu. Giấy phép trên phải còn hiệu lực.

3.2. Về thời gian và địa điểm thực hiện gói thầu

- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng
- Địa điểm thực hiện gói thầu: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Ấp 3, xã Đại Phước, Tp. Đồng Nai.

3.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải cam kết huy động đầy đủ các máy móc trang thiết bị, công cụ dụng cụ, nhân sự để thực hiện công việc đáp ứng tiến độ thực hiện công việc theo yêu cầu của YCBG.
- Nhà thầu phải cam kết trong trường hợp thuê nhà thầu phụ thực hiện một số hạng mục công việc thì nhà thầu phụ phải có Giấy phép môi trường do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp có nội dung cấp phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, rác thải công nghiệp thông thường phù hợp với hạng mục công việc đó.
- Nhà thầu phải cam kết nhân sự có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện hợp đồng.
- Nhà thầu phải cam kết mua bảo hiểm tai nạn lao động cho nhân sự thực hiện gói thầu tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- Nhà thầu phải cam kết nhân sự của nhà thầu phải được huấn luyện ATVSLĐ và được trang bị đầy đủ BHLĐ theo quy định.

3.4. Yêu cầu về công tác an toàn sức khỏe môi trường

- Tất cả nhân sự tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.
- Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị phục vụ công việc đảm bảo an toàn và phòng cháy chữa cháy theo quy định của PVPower NT2 và Luật định.
- Nhà thầu có trách nhiệm dọn dẹp, vệ sinh hiện trường sau khi kết thúc công việc trong ngày, Rác thải trong quá trình thực hiện công việc sẽ được Nhà thầu gom vào thùng rác và/hoặc nơi do Bên mời thầu quy định.

Chương III. BIỂU MẪU CHÀO GIÁ

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Đơn chào giá			X
2	Mẫu số 02. Bảng tiến độ thực hiện			X
3	Mẫu số 03. Bảng giá chào			X
4	Mẫu số 04. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện			X

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày:[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu:[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá, chúng tôi:

- Tên nhà thầu:.....
- Số đăng ký kinh doanh:.....

Cam kết thực hiện gói thầu.....[Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là.....[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá chào với tỷ lệ phần trăm giảm giá là[Ghi tỷ lệ giảm giá]

Giá chào sau khi trừ đi giá trị giảm giá là:

Thời gian thực hiện gói thầu là [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Thời hạn hiệu lực của báo giá:ngày, kể từ ngày.....[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm ngừng tiếp nhận báo giá].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương IV.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TIẾN ĐỘ GÓI THẦU
(nhà thầu đề xuất)

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu

STT	Nội dung thực hiện gói thầu	Yêu cầu của bên mời chào giá	Nhà thầu đề xuất
1	Thời gian thực hiện gói thầu	12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng	
2	Địa điểm thực hiện gói thầu	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Ấp 3, xã Đại Phước, Tp. Đồng Nai	

BẢNG GIÁ CHÀO

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Đơn vị tính	Khối lượng tạm tính	Đơn giá (VNĐ) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT	Thuế VAT	Thành tiền (VNĐ) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) đã bao gồm thuế VAT
1	Bùn thải	Rắn	04 02 04	Kg	2.500			
2	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Rắn	07 04 01	Kg	5			
3	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Rắn	07 04 02	Kg	5			
4	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	08 01 01	Kg	100			
5	Thủy tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	11 02 01	Kg	100			
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Kg	200			
7	Dầu, nhớt thải (Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác)	Lỏng	17 02 04	Kg	3.000			
8	Dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác	Lỏng	17 03 05	Kg	500			

9	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	Lỏng	17 05 04	Kg	500		
10	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	17 06 01	Kg	500		
11	Nước nhiễm dầu	Lỏng	17 05 05	Kg	500		
12	Các loại sáp và mỡ thải	Rắn/lỏng	17 07 04	Kg	100		
13	Bao bì mềm nhiễm thành phần nguy hại thải	Rắn	18 01 01	Kg	90		
14	Bao bì cứng bằng kim loại thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	Kg	200		
15	Bao bì cứng bằng nhựa thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	Kg	200		
16	Vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg	4.000		
17	Nhựa trao đổi ion đã bão hòa hay đã qua sử dụng	Rắn	12 06 01	Kg	300		
18	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có chứa chất thải nguy hại	Rắn/Lỏng	19 05 02	Kg	300		
19	Hóa chất vô cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng	19 05 03	Kg	300		
20	Hóa chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	19 05 04	Kg	300		
21	Ăc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Kg	200		

22	Các loại pin, ắc quy khác	Rắn	19 06 05	Kg	10			
23	Các loại chất thải khác có thành phần hữu cơ nguy hại	Rắn/lỏng	19 12 02	Kg	500			
24	Các loại vật liệu cách nhiệt thải khác có hay bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	11 06 02	Kg	1.500			
25	Linh kiện điện tử thải	Rắn	19 02 06	Kg	20			
26	Chất thải lây nhiễm	Rắn/lỏng	13 01 01	Kg	5			
27	Rác thải công nghiệp thông thường	Rắn		Kg	30.000			
Tổng cộng giá chào đã bao gồm thuế VAT								(M)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các cột (5), (6), (7), (8) do nhà thầu chào.
- Thành tiền M đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), và thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và bao gồm thuế VAT

Mẫu số 04

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

- Tên nhà thầu: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]
- Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]
		Tương đương ____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
E-mail:		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 3 Chương I – Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm⁽²⁾.		
1. Loại dịch vụ	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]	
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

- Nhà thầu nộp bản sao y các tài liệu: BB nghiệm thu, hóa đơn GTGT/BB quyết toán thanh lý, tài liệu liên quan để chứng minh đã hoàn thành hợp đồng.
- Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Chương IV. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 05

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại YCBG]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Điều 11 Chương IV.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi hoàn thiện, ký hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình hoàn thiện, ký hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận BBG và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy

² Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Sau khi bàn bạc thống nhất, hai Bên cùng nhất trí ký kết thực hiện Kiểm định, hiệu chuẩn, quan trắc đối chứng và lập báo cáo kiểm soát chất lượng hệ thống quan trắc online nước thải NMD Nhơn Trạch 2 năm 2026 với các điều kiện Điều khoản như sau :

Điều 1. Định nghĩa

- 1.1 “Hợp đồng” được hiểu là văn bản được ký kết giữa Bên A và Bên B
- 1.2 “Phạm vi công việc” được hiểu là Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2026, chi tiết tại Điều 2 – Phạm vi công việc
- 1.3 “Ngày”: là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần
- 1.4 “Tuần”: là 07 ngày

Điều 2. Phạm vi công việc

- Bên A giao cho Bên B thực hiện việc Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2026 của Bên A.
- Dịch vụ phải đáp ứng đầy đủ theo quy định của Hợp đồng.

Điều 3. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản Hợp đồng (kèm theo Phạm vi công việc và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
3. YCBG, Báo giá;
4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 4. Phương thức giao nhận – Địa điểm giao nhận

Phương thức giao nhận:

- Bên A giao chất thải cho Bên B tại kho của Bên A. Khi giao nhận hai bên phải đối chiếu từng loại, số lượng chất thải và ký xác nhận vào biên bản giao nhận (hoặc phiếu xuất kho) và chứng từ chất thải theo mẫu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Khi có nhu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý Bên A sẽ thông báo trước cho Bên B 02 ngày bằng điện thoại.
- Khi Bên A và Bên B giao nhận chất thải công nghiệp nguy hại, Bên B chỉ nhận đúng chủng loại chất thải có trong danh mục tại Điều 2;
- Đối với các loại chất thải nguy hại phát sinh ngoài danh mục trên thì hai Bên sẽ thương lượng với mức giá và ký Hợp đồng bổ sung.

Địa điểm giao nhận: Tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2: Ấp 3, xã Đại Phước, Tp. Đồng Nai.

Điều 5. Trách nhiệm của Bên A

- Chịu trách nhiệm quản lý chất thải tại kho của Bên A theo đúng quy định của pháp luật;
- Bên A có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình giao nhận chất thải tại kho Bên A để công việc được hoàn thành nhanh chóng;
- Khi bàn giao CTNH, Bên A lập Chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) bao gồm điền thông tin về tên, mã CTNH, khối lượng, trạng thái và ký xác nhận vào tất cả các liên của chứng từ và giao cho Bên B ký xác nhận;
- Cam kết thanh toán cho Bên B theo quy định của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định của Hợp đồng.

Điều 6. Trách nhiệm của Bên B

- Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của Bên A theo đúng pháp luật hiện hành và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải được vận chuyển ra khỏi kho chất thải nguy hại của Bên A;
- Khi thu gom vận chuyển chất thải Bên B phải sử dụng các xe vận chuyển đáp ứng yêu cầu quy định của pháp luật hiện hành.
- Khi có yêu cầu lấy chất thải xử lý từ Bên A, trong vòng 15 ngày mà Bên B không thu gom và xử lý (trừ các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, hỏa hoạn...) thì Bên A có quyền hủy Hợp đồng và Bên B phải bồi thường cho Bên A theo đúng quy định của Pháp luật;
- Phải tuân thủ triệt để các quy định về đăng ký cấp phép hành nghề vận chuyển, thu gom và xử lý chất thải theo quy định của Pháp luật;
- Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi giao nhận CTNH, Bên B chịu trách nhiệm hoàn thiện các Chứng từ chất thải nguy hại mà Bên A đã giao và chuyển lại cho Bên A theo quy định của Pháp luật;
- Đối với một số hạng mục công việc mà Bên B thuê nhà thầu phụ thì nhà thầu phụ phải có Giấy phép môi trường do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp có nội dung cấp phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, rác thải công nghiệp thông thường phù hợp với hạng mục công việc đó;
- Cam đoan và đảm bảo có đầy đủ tất cả các nguồn nhân lực, khả năng, kinh nghiệm, vật tư, thiết bị, dụng cụ, máy móc thích hợp cho việc thực hiện công việc và sẽ thu xếp, huy động thích đáng các nguồn lực cần thiết này cho việc thực hiện Hợp đồng theo đúng tiến độ và chất lượng công việc;
- Mua và duy trì các loại bảo hiểm theo quy định, đảm bảo những nhân sự của mình làm việc tuân thủ chặt chẽ pháp luật về an toàn, bảo hộ lao động và các quy định khác về an toàn lao động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm xin phép, các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề liên quan đến việc thực hiện công việc. Bên B phải nỗ lực, có sự quan tâm cho Hợp đồng này đảm bảo rằng Bên B sẽ không để bất cứ công việc nào khác của mình cản trở việc thực hiện công việc;

- Cung cấp cho Bên A mọi thông tin cần thiết liên quan đến công việc và/hoặc theo yêu cầu của Bên A.

Điều 7. Giá Hợp đồng và phương thức thanh toán

6.1 Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ]

6.2 Phương thức thanh toán:

- a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
- b) Số lần thanh toán: Theo từng đợt thu gom
- c) Thời hạn thanh toán

- Sau mỗi đợt thu gom và hoàn tất xử lý chất thải, căn cứ vào khối lượng thực tế qua cân, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B giá trị là: Khối lượng các chủng loại trong danh mục thu gom thực tế (Kg) x Đơn giá (đồng/Kg) trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận được các giấy tờ sau:

- + 01 bản gốc Công văn đề nghị thanh toán của Bên B;
- + Các chứng từ CTNH/ Biên bản bàn giao liên quan theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- + Biên bản bàn giao chất thải;
- + 01 bản gốc Hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài chính;
- + 01 bản gốc Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc cho từng đợt xử lý được hai Bên ký kết.

- Sau khi kết thúc thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành quyết toán và thanh lý Hợp đồng.

Điều 8. Loại Hợp đồng: Đơn giá cố định

Điều 9. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Trong đó:

Điều 10. Hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng

10.1 Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi yêu cầu công việc theo hợp đồng;
- b) Bổ sung hạng mục công việc ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;
- c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

10.2 Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 11. Chấm dứt Hợp đồng

11.1 Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về Hợp đồng như sau:

- a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

11.2 Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo Điểm a Khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký Hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần Hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng đó.

10.1 Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Trường hợp bất khả kháng

11.1 Quy định về bất khả kháng: Trong trường hợp này, bất khả kháng được hiểu là sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của Bên B, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ xuất của Bên B, chẳng hạn như chiến tranh, bạo loạn, khủng bố, dịch bệnh hay những trường hợp tương tự mà hai bên chịu ảnh hưởng, không thể kiểm soát, điều khiển được.

11.2 Thủ tục về bất khả kháng: Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các Bên phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho nhau về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chuyển cho Bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên kia bằng văn bản, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng sẽ không bị bồi thường thiệt hại hay chấm dứt Hợp đồng.

Điều 12. Phạt Hợp đồng

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 11 Hợp đồng này, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu của Hợp đồng thì Bên A có quyền khấu trừ vào giá Hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với 0,3% giá trị trước thuế VAT công việc chậm thực hiện như quy định tính cho mỗi ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt chậm tối đa không vượt quá 8% giá trị của Hợp đồng. Khi đạt đến mức tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt Hợp đồng theo quy định của Hợp đồng và tịch thu tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Điều chỉnh thuế GTGT

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành

Điều 13. Điều khoản chung

13.1 Ngôn ngữ Hợp đồng và Luật áp dụng

- Ngôn ngữ của hợp đồng là Tiếng Việt.
- Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật Việt Nam.

13.2 Giải quyết tranh chấp

- Hai Bên cam kết nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản đã ký kết, không Bên nào được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng này, mọi vấn đề khó khăn trở ngại hai Bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hai Bên cùng có lợi. Các thay đổi đều phải được thỏa thuận bằng văn bản do hai Bên ký kết mới có hiệu lực.
- Mọi tranh chấp nếu có mà hai Bên không hòa giải được sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Nai giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Hiệu lực Hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi hai bên quyết toán, thanh lý hợp đồng theo luật định.
- Hợp đồng này được lập thành năm (05) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ ba (03) bản, Bên B giữ hai (02) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN B
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN A
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a(1)].



